

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 6 - 2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Huy.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Phong và bà Vũ Thị Hiên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đức Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị G, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn Đ, xã Nh, huyện L, tỉnh H; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn B, xã Nhân Th, huyện L, tỉnh H. Hiện tại anh T đang chấp hành án tại: Trại giam Nam Hà; địa chỉ: Xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 12 năm 2021; bản tự khai, lời khai của nguyên đơn chị Lê Thị G; bản tự khai của bị đơn anh Trần Văn T, nội dung vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị G kết hôn với anh Trần Văn T là tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 06/3/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Nhân Thịnh, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị G trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T nghiện ma túy từ trước khi vợ chồng kết hôn nên sau khi vợ chồng về chung sống với nhau, anh T thường xuyên tụ tập bạn nghiện, chơi bời, sử dụng ma túy, đi làm nhưng không đưa tiền cho chị để chi tiêu cho gia đình, thậm chí còn mang tài sản của vợ chồng đi cầm cố, dẫn đến vợ chồng nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Đến tháng 10 năm 2016, anh T bị công an bắt về tội phạm ma túy, sau đó bị Tòa án xử phạt 08 năm tù. Anh T đi chấp hành án phạt tù từ tháng 10 năm 2016 cho đến nay tại Trại giam Nam Hà.

Nay chị G xác định do anh T chơi bời, nghiện ma túy, phá tán tài sản, ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình, dẫn đến cuộc hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Anh Trần Văn T trình bày: Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn gì. Đến năm 2016, anh đi chấp hành án phạt 08 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” tại Trại giam Nam Hà cho đến nay, chị G vẫn thường xuyên vào thăm gặp anh. Nay chị G làm đơn xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn với chị G.

- *Về con chung*: Chị G và anh T đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị Đ, sinh ngày 06/5/2014 và Trần Thanh D, sinh ngày 28/8/2016, hiện nay đều do chị G đang nuôi dưỡng.

Trường hợp vợ chồng ly hôn: Chị G đề nghị được nuôi dưỡng cả 02 con chung cho tới khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị vì anh T hiện nay đang chấp hành án phạt tù, không đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Anh T không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung.

- *Về tài sản, nợ chung và các vấn đề khác*: Chị G và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Lê Thị G giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Văn T. Về con chung: Đề nghị được nuôi dưỡng cả 02 con chung là Trần Thị Đ và Trần Thanh D cho tới khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Chị G không yêu cầu Tòa án phải giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị giải quyết ly hôn giữa chị Lê Thị G và anh Trần Văn T. Về con chung: Giao các cháu Trần Thị Đ và Trần Thanh D cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng cho tới khi các cháu đủ 18 tuổi. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa; ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do chị Lê Thị G cung cấp, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tuy nhiên, bị đơn anh Trần Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị G và anh Trần Văn T là hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Chị G cho rằng do anh T chơi bời, lười lao động, mắc nghiện ma túy, phá tán tài sản, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế của gia đình. Hiện anh T đang chấp hành án 08 năm tù tại Trại giam Nam Hà.

Ý kiến của anh T lưu trong hồ sơ vụ án: Anh xác định quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn gì. Nhưng anh T cũng thừa nhận bản thân nghiện ma túy và đang phải chấp hành hình phạt 08 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” tại Trại giam Nam Hà, chị G vẫn thường xuyên vào thăm gặp, nên anh đề nghị vợ chồng đoàn tụ.

Toà án đã tiến hành xác minh, thu tập tài liệu, chứng cứ tại địa phương xã Nhân Thịnh, xác định quá trình vợ chồng chị G - anh T chung sống với nhau, anh T chơi bời, nghiện hút ma túy và đã bị Tòa án xét xử về tội phạm liên quan đến ma túy, dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt như chị G trình bày là đúng.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị G và anh T đã kéo dài nhiều năm nay, cuộc sống chung không có hạnh phúc, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị G là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Sau khi xem xét nguyện vọng của chị G, Hội đồng xét xử thấy: Hiện nay các con chung của vợ chồng do chị G đang trực tiếp nuôi dưỡng, cuộc sống của các cháu được đảm bảo đầy đủ cả về vật chất lẫn tinh

thần. Chị G hiện nay làm công nhân, mức thu nhập bình quân từ 6.000.000 đồng - 7.000.000 đồng/tháng. Anh T hiện đang chấp hành án, không đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung, anh T cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con; cháu Đ có nguyện vọng được ở cùng với chị G. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của các cháu, nên giao 02 con chung của vợ chồng cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 của Hôn nhân và gia đình. Chị G không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, các Điều 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị G và anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao các cháu Trần Thị Đ, sinh ngày 06/5/2014 và Trần Thanh D, sinh ngày 28/8/2016 cho chị Lê Thị G tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho tới khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Lê Thị G.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Lê Thị G phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị G đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0001039 ngày 16/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND xã Nhân Thịnh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đỗ Quốc Huy